

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Mã đề 551

I. Phần trắc nghiệm: (7,0 điểm) hãy chọn đáp án đúng duy nhất

Câu 1. Ở những nơi nào sau đây thường có mưa nhiều?

- A. nơi ở rất sâu giữa lục địa, nơi có áp thấp. B. miền có gió thổi theo mùa, nơi có áp thấp.
C. miền có gió Mậu dịch thổi, nơi có áp thấp. D. nơi dòng biển lạnh đi qua, nơi có áp thấp.

Câu 2. Ở miền ôn đới lạnh, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

- A. băng tuyết. B. thực vật. C. chế độ mưa. D. địa hình.

Câu 3. Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

- A. chí tuyến. B. xích đạo. C. ôn đới. D. cực.

Câu 4. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa

- A. khí áp, frông, gió, địa hình, sông ngòi. B. khí áp, frông, gió, dòng biển, sinh vật.
C. khí áp, frông, gió, dòng biển, địa hình. D. khí áp, frông, gió, địa hình, đất.

Câu 5. Biểu hiện rõ rệt của quy luật địa ô là sự thay đổi theo kinh độ của

- A. sông ngòi. B. thực vật. C. thổ nhưỡng. D. địa hình.

Câu 6. Khí áp tăng khi

- A. khô hạn giảm. B. nhiệt độ tăng. C. nhiệt độ giảm. D. độ cao tăng.

Câu 7. Dòng biển nào sau đây là dòng biển lạnh?

- A. dòng biển Gơn-xtrim.. B. dòng biển Ca-li-phooc-ni-a.
C. dòng biển Guy-a-na. D. dòng biển Cu-rô-si-ô.

Câu 8. Các đại khí áp thấp trên bề mặt Trái Đất

- A. ôn đới, xích đạo. B. chí tuyến, ôn đới. C. cực, chí tuyến. D. xích đạo, chí tuyến.

Câu 9. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về

- A. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.
B. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.
C. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.
D. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần.

Câu 10. Nhân tố cung cấp chất dinh dưỡng cho đất

- A. khí hậu. B. sinh vật. C. đá mẹ. D. địa hình.

Câu 11. Tính chất của gió Tây ôn đới là

- A. ẩm. B. khô. C. nóng ẩm. D. lạnh khô.

Câu 12. Giải pháp quan trọng hàng đầu trong bảo vệ nguồn nước ngọt trên Trái Đất

- A. sử dụng nước tiết kiệm. B. nâng cao sự nhận thức. C. xử phạt, khen thưởng. D. giữ sạch nguồn nước.

Câu 13. Các đới khí hậu trên Trái Đất là biểu hiện của quy luật

- A. đai cao. B. địa ô. C. địa đới. D. thống nhất và hoàn chỉnh.

Câu 14. Đất bị xâm thực xói mòn do

- A. khí hậu biến đổi. B. khai thác khoáng sản. C. phá rừng. D. xây dựng các công trình thủy điện.

Câu 15. Nguồn nước ngầm **không** phụ thuộc vào

- A. sự thấm nước của đất đá. B. đặc điểm bề mặt địa hình.
C. nguồn cung cấp nước mặt. D. khối lượng lớn nước biển.

Câu 16. Trên Trái Đất, mưa nhiều nhất ở vùng

- A. chí tuyến. B. ôn đới. C. cực. D. xích đạo.

Câu 17. Nhân tố quy định dòng chảy của sông

- A. Địa hình B. Băng tuyết tan. C. Hồ, đầm. D. Chế độ mưa.

Câu 18. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển do:

- A. gió. B. mưa. C. động đất. D. núi lửa.

Câu 19. Biểu hiện rõ nhất của quy luật đai cao là sự phân bố theo độ cao của

- A. thực vật và động vật. B. thực vật và nhóm đất.
C. động vật và nhóm đất. D. nhóm đất và vi sinh vật.

Câu 20. Nhân tố có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất

- A. sinh vật. B. đá mẹ. C. khí hậu. D. địa hình.

Câu 21. Loại hồ nào sau đây được hình thành do quá trình uốn khúc và đổi dòng của sông ở vùng đồng bằng

- A. miệng núi lửa. B. móng ngựa. C. kiến tạo. D. băng hà.

Câu 22. Nhân tố **không** ảnh hưởng đến sự thay đổi của khí áp

- A. nhiệt độ. B. hướng gió. C. độ cao. D. độ ẩm.

Câu 23. Nhân tố làm thay đổi nhiệt độ và lượng mưa

- A. địa hình. B. con người. C. đất. D. sinh vật.

Câu 24. Phát biểu nào đúng với sự thay đổi của khí áp?

- A. không khí càng loãng, khí áp tăng. B. không khí có độ ẩm cao, khí áp tăng.
C. không khí khô, khí áp giảm. D. tỉ trọng không khí giảm, khí áp tăng.

Câu 25. Quy luật địa đới là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

- A. vĩ độ. B. kinh độ. C. các mùa. D. độ cao.

Câu 26. Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

- A. toàn bộ động vật và vi sinh vật. B. toàn bộ thực vật và vi sinh vật.
C. toàn bộ sinh vật sinh sống. D. tất cả sinh vật và thổ nhưỡng.

Câu 27. Các yếu tố khí hậu nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất?

- A. Nhiệt và nước. B. Nhiệt và ẩm. C. Khí và nhiệt. D. Ẩm và khí.

Câu 28. Đất là lớp vật chất

- A. mềm ở bề mặt lục địa. B. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
C. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất. D. tơi xốp nằm trên cùng bề mặt lục địa.

II. Phần tự luận (3,0 điểm)

Câu 1.(2,0 điểm) Cho bảng số liệu:

**Lưu lượng dòng chảy tháng trung bình nhiều năm tại
trạm thủy văn Tà Lài trên sông Đồng Nai ở nước ta (đơn vị:m³/s)**

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng dòng chảy	96	59	48	71	136	317	522	826	867	730	395	200

a. Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện lưu lượng dòng chảy tháng trung bình nhiều năm tại trạm thủy văn Tà Lài trên sông Đồng Nai ở nước ta.

b. Nhận xét lưu lượng dòng chảy tháng trung bình nhiều năm tại trạm thủy văn Tà Lài trên sông Đồng Nai.

Câu 2.(1,0 điểm) Hãy trình bày vai trò của biển và đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

----- **HẾT** -----

(Không kể thời gian phát đề)

I. Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Tổng câu trắc nghiệm: 28.

Mã đề Câu	758	551	925	855
1	A	B	A	A
2	A	A	A	D
3	D	A	C	B
4	B	C	D	C
5	D	B	D	A
6	C	C	A	B
7	C	B	A	D
8	A	A	B	B
9	D	D	B	D
10	D	B	D	A
11	B	A	C	B
12	B	D	C	A
13	A	C	B	D
14	C	C	B	B
15	C	D	D	C
16	B	D	C	B
17	C	D	D	C
18	C	A	A	C
19	A	B	D	C
20	A	B	C	D
21	D	B	D	A
22	A	B	B	B
23	A	A	A	D
24	A	C	A	D
25	D	A	B	C
26	D	C	C	B
27	B	B	A	C
28	A	D	D	B

II. Phần đáp án câu tự luận:

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1	a. Vẽ biểu đồ cột, biểu đồ khác không tính điểm. Biểu đồ có đầy đủ tên biểu đồ, thông tin đầu trục tung và trục hoành, vẽ đúng tỉ lệ và đẹp. Thiếu hoặc sai một trong các yếu tố trên trừ 0,25 điểm.	1,5
	b. Nhận xét được lưu lượng dòng chảy tháng cao nhất (tháng 9: đạt 867 m ³ /s) và tháng thấp nhất (tháng 3: 48 m ³ /s).	0,5
Câu 2	Vai trò của biển và đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội:	
	- Cung cấp tài nguyên sinh vật (hải sản, rong biển....)	0,25
	- Cung cấp tài nguyên khoáng sản (dầu mỏ, khí đốt, muối biển.....)	0,25
	- Cung cấp năng lượng (sóng biển, thủy triều...)	0,25
	- Phát triển các ngành kinh tế biển (giao thông vận tải đường biển, du lịch biển.....)	0,25